

110學年度第1學期外國學生申請入學錄取名單(2021年秋季班)

序號	中文姓名	英文姓名	申請就讀系科	申請學制
1	梁珊	LUU B. SAN	企業管理系 服務業經營管理碩士班	碩士班
2	鄧瓊	DANG T. QUYNH	企業管理系 服務業經營管理碩士班	碩士班
3	李駿	LY A. JAN	企業管理系 服務業經營管理碩士班	碩士班
4	武紅	VU TH. HONG	企業管理系 服務業經營管理碩士班	碩士班
5	陳仁	TRAN T. NHAN	企業管理系	日四技
6	阮玉映	NGUYEN TH. NGOC ANH	企業管理系	日四技
7	黃鳳	HOANG T. PHUONG	企業管理系	日四技
8	范楊	PHAM TH. DUONG	企業管理系	日四技
9	阮如	NGUYEN H. YNH NHU	企業管理系	日四技
10	吳春兒	NGO THI. JAN NHI	企業管理系	日四技
11	阮南	NGUYEN. EN NAM	企業管理系	日四技
12	阮海	NGUYE. THI HAI	企業管理系	日四技
13	阮協	NGUYEN. THI HIEP	企業管理系	日四技
14	陳南芳	TRAN NGUYEN. AM PHUONG	企業管理系	日四技
15	黃如	HUYNH M. OC NHU	企業管理系	日四技
16	黎嬰桃	LE THI A. H DAO	企業管理系	日四技
17	阮河	NGUYE. THI HA	企業管理系	日四技
18	黃孟	HOANG V. N MANH	企業管理系	日四技
19	杜雲英	DO THI. AN ANH	企業管理系	日四技
20	黎輝	LE DU. HUY	企業管理系 ( 同步休 )	日四技
21	范玉	PHAM T. NGOC	財務金融系	日四技
22	林安	Lam y. An	行銷與流通管理系	日四技
23	阮娥	Nguyen. hi Nga	行銷與流通管理系	日四技
24	林鸞	LAM T. LOAN	行銷與流通管理系	日四技
25	裴功	BUI V. CONG	行銷與流通管理系	日四技
26	黃美	Hoang. oa my	休閒遊憩管理系	日四技
27	梁容	LUONG M. H DUNG	休閒遊憩管理系	日四技
28	段琮	DOAN NG. C QUYNH	休閒遊憩管理系	日四技
29	陶海燕	DAO TH. HAI YEN	休閒遊憩管理系	日四技
30	阮芳	Nguyen. i Phuong	休閒遊憩管理系	日四技
31	阮春	NGUYEN H. ANG XUAN	休閒遊憩管理系	日四技
32	黃懷	HOANG. HI HOAI	休閒遊憩管理系	日四技
33	劉如	LUU QU. H NHU	休閒遊憩管理系	日四技
34	吳花	NGO T. I HOA	休閒遊憩管理系	日四技
35	阮玉英	Nguyen T. Ngoc Anh	休閒遊憩管理系	日四技
36	丁福	DINH QU. NG PHUC	休閒遊憩管理系	日四技
37	阮玄莊	NGUYEN THI. YEN TRANG	休閒遊憩管理系	日四技

38	黎煒輝	LE DU HUY	休閒遊憩管理系 ( 企 )	日四技
39	潘麗梅	PHAN THI JYNH MAI	國際貿易系碩士班	碩士班
40	阮紅日	Nguyen Thi Hong Nhat	國際貿易系	日四技
41	武喬莊	VU THI KIM TRANG	國際貿易系	日四技
42	阮絨	NGUYEN THI NHUNG	國際貿易系	日四技
43	武花蓮	VU THI DA SEN	國際貿易系	日四技
44	阮秋河	Nguyen Thi Thu Ha	國際貿易系	日四技
45	阮慧	NGUYEN THI HUE	應用英語系	日四技
46	楊翠	DUONG HITHUY	應用英語系	日四技
47	馮心	PHUNG THI TAM	應用英語系	日四技
48	范垂玲	PHAM THI HUY LINH	應用日語系	日四技
49	黃晟	Johnson Wong Jun Sheng	應用日語系	日四技
50	阮越貞	NGUYEN THI VIET TRINH	資訊管理系	日四技
51	杜黃	DAU XUAN HOANG	商務科技管理系	日四技
52	余英	DU TUO ANH	商務科技管理系	日四技
53	黃雨	HOANG TUAN VU	商務科技管理系	日四技